

ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN LỰC ĐẾN THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TỈNH THANH HÓA: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH Ở HUYỆN THỌ XUÂN VÀ HÀ TRUNG

Chu Thị Kim Loan*, Nguyễn Văn Hường

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: ctkloan@vnua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 13.03.2015

Ngày chấp nhận: 08.09.2015

TÓM TẮT

Bài viết nhằm khái quát thực trạng nguồn lực và ảnh hưởng của chúng tới thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa qua kết quả điển cứu tại huyện Hà Trung và Thọ Xuân. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp chủ yếu từ số liệu điều tra của 80 nông hộ, phương pháp phân tích chính là thống kê mô tả và hồi qui đa biến. Nghiên cứu cho thấy chất lượng lao động, qui mô đất đai và lượng vốn của các nông hộ điều tra còn ở mức thấp. Thu nhập của nông hộ ở mức bình quân 72 triệu đồng/năm, đặc biệt thu nhập từ tiền lương, tiền công đóng góp một tỷ lệ khá cao trong tổng thu nhập của hộ. Các nguồn lực của nông hộ như qui mô đất sản xuất, số lượng và trình độ học vấn của lao động, giá trị phương tiện sản xuất tỷ lệ thuận với thu nhập của hộ, trong đó qui mô đất sản xuất có ảnh hưởng lớn nhất. Ngoài ra, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, giới tính của chủ hộ và vị trí địa lý cũng có tác động tới thu nhập của nông hộ.

Từ khóa: Ảnh hưởng, nguồn lực, nông hộ, Thanh Hóa, thu nhập.

Effect of Resources on Incomes of Agricultural Households in Thanh Hoa Province: A Case Study at Tho Xuan and Ha Trung Districts

ABSTRACT

The overall objective of the paper was to describe the existing situation of resources and their effects on incomes of agricultural households in Thanh Hoa province through a case study at Ha Trung and Tho Xuan districts. The primary data were collected through the survey of 80 agricultural households and analyzed using descriptive statistics and multiple regression. The survey results showed that labor quality, productive land and capital of the households were quite low. Average income of the households was about VND 72 million per year, especially the income from salary and wages contributes a significant share in the household income. Land size, quantity and educational level of labor, and value of production means were positively correlated with the household income, whereby the land size exerted highest impact. In addition, the accessibility to credit, gender of household head and geographical location also significantly affected the household income.

Keywords: Resource, income, agricultural households, Thanh Hoa province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thu nhập của các hộ nông dân Việt Nam những năm gần đây đã được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2012), thu nhập bình quân nhân khẩu một tháng của cư dân nông thôn năm 2012 chỉ bằng 78,9% bình quân chung cả nước và bằng 52,8% thu nhập của cư dân đô thị. Kết

quả điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2011 được Bộ Lao động - Xã hội công bố theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy cả nước có tới 2,6 triệu hộ nghèo và hơn 1,5 triệu hộ cận nghèo, họ tập trung phần lớn ở khu vực nông thôn (Diên, 2012). Do vậy, Đảng và Nhà nước ta xác định việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho hộ nông dân là một trong những quốc sách hàng đầu, góp phần ổn định và

phát triển kinh tế xã hội. Thanh Hóa là một tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ - khu vực có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao của cả nước (Diên, 2012). Thu nhập bình quân của cư dân Thanh Hóa thấp hơn khá nhiều so với địa bàn khác (năm 2012, thu nhập bình quân đầu người một tháng ở Thanh Hóa là 1,2 triệu đồng, chỉ bằng 60,36% thu nhập bình quân đầu người cả nước). Đây cũng là vùng có số lượng cư dân nông thôn cao thứ nhì ở Việt Nam (chỉ đứng sau Hà Nội) với 3.062 nghìn người (Tổng cục thống kê, 2013). Do vậy, cải thiện thu nhập cho nông hộ ở tỉnh Thanh Hóa sẽ góp phần quan trọng vào chương trình xóa đói, giảm nghèo của Quốc gia.

Trên thế giới và Việt Nam đã có khá nhiều tác giả nghiên cứu về mối quan hệ giữa yếu tố nguồn lực và thu nhập của nông hộ (Hossain and Sen, 1992), Anh và Thủy, 2010). Kết quả nghiên cứu của họ cho thấy nguồn lực có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế của một khu vực nói chung và thu nhập của nông hộ nói riêng. Với nguồn lực hiện có, nếu biết phân bổ sử dụng hợp lý, nông hộ vẫn có thể nâng cao thu nhập. Chính vì thế, việc nhận diện mức độ ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực đến thu nhập để có giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ là điều rất cần thiết và có ý nghĩa, nhất là với các nông hộ ở Thanh Hóa - nơi có thu nhập trước thời điểm nghiên cứu thấp hơn so với mức thu nhập bình quân của nông hộ trong cả nước. Đứng trước thực tế đó, các câu hỏi được đặt ra là: Thực trạng nguồn lực và thu nhập của nông hộ Thanh Hóa thời gian qua như thế nào? Mức độ ảnh hưởng của các nguồn lực tới thu nhập của nông hộ ra sao? Yếu tố nào giữ vai trò quyết định nâng cao thu nhập của nông hộ? Do điều kiện có hạn, nghiên cứu này được thực hiện tại hai huyện đại diện của tỉnh Thanh Hóa là Hà Trung và Thọ Xuân nhằm góp phần trả lời những câu hỏi trên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Giả thuyết nghiên cứu

Ở Bangladesh, Hossain and Sen (1992) khám phá mối quan hệ giữa thu nhập của hộ với các yếu tố chính như qui mô diện tích, trình độ

học vấn và số lao động thông qua hàm đa biến. Trong nghiên cứu khác ở Trung Quốc, Khan (1993) kết luận rằng thu nhập của nông hộ có mối quan hệ chặt với trình độ học vấn, mức vốn, diện tích, tỷ lệ diện tích được tưới chủ động,... Ở Việt Nam, kết quả nghiên cứu của Anh và Thủy (2010) cho thấy các biến như trình độ học vấn, tuổi, lao động nông nghiệp, lượng vốn vay, chi phí đầu vào, diện tích canh tác và thời hạn cho vay có tác động cùng chiều với thu nhập của nông hộ huyện Quảng Trạch. Ngoài ra, nông hộ ở vùng đồng bằng có thu nhập cao hơn hộ ở vùng núi. Tổng hợp trên cho thấy các nghiên cứu có một số điểm chung là: *sử dụng mô hình hồi qui để lượng hóa sự ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ; các nguồn lực như qui mô đất đai, số lao động, trình độ học vấn và mức vốn có tác động cùng chiều với thu nhập của nông hộ.*

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước đã thực hiện, nghiên cứu này sử dụng hàm hồi qui đa biến để phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực tới thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa. Các giả thuyết được đưa ra là: (1) Các yếu tố nguồn lực chủ yếu của nông hộ như số lượng và trình độ học vấn của lao động, mức vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, qui mô đất đai có tác động cùng chiều với thu nhập của nông hộ; (2) Mức độ ảnh hưởng của các nguồn lực tới thu nhập của nông hộ là khác nhau; (3) Có sự khác nhau về thu nhập giữa nông hộ ở huyện Thọ Xuân và Hà Trung (nông hộ ở huyện Hà Trung sẽ có thu nhập cao hơn), giữa nông hộ có khả năng tiếp cận vốn vay và hộ không có khả năng tiếp cận vốn vay (nông hộ có khả năng tiếp cận vốn vay sẽ có thu nhập cao hơn), giữa nông hộ có chủ hộ là nữ giới và nam giới (chủ hộ là nam giới sẽ có thu nhập cao hơn).

2.2. Thu thập số liệu

Phần lớn kết quả nghiên cứu được tổng hợp từ số liệu điều tra vào cuối năm 2013 với đối tượng điều tra là các nông hộ ở tỉnh Thanh Hóa. Mẫu điều tra được lựa chọn theo phương pháp cụm và phân tầng. Thanh Hóa bao gồm các đơn vị hành chính có đặc điểm địa hình khác nhau,

từ trung du miền núi đến đồng bằng ven biển. Các nghiên cứu cho thấy thu nhập của nông hộ khác nhau theo vùng miền (Wei, 2001). Thêm vào đó là giới hạn về kinh phí và thời gian nghiên cứu nên chúng tôi chọn 2 huyện nằm ở 2 vùng sinh thái làm mẫu đại diện để điều tra (Thọ Xuân, đại diện cho vùng trung du miền núi và Hà Trung, đại diện cho vùng đồng bằng ven biển). Tại mỗi huyện, xác định có chủ đích 2 - 3 xã làm đại diện để tiến hành điều tra nông hộ. Theo đó, 2 xã được chọn từ 25 xã/thị trấn ở huyện Hà Trung là Hà Bình và Hà Long; Xuân Phú, Hạnh Phúc và Tây Hồ là các xã miền núi và đồng bằng được chọn từ 41 xã/thị trấn của huyện Thọ Xuân. Cỡ mẫu điều tra được xác định theo công thức của Iarossi (2009):

$$n = \frac{z^2 \cdot S^2}{e^2 + z^2 \cdot \frac{S^2}{N}}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu; N là quy mô tổng thể; z là giá trị liên quan đến việc xác định mức độ tin cậy; e là mức sai số mong đợi, S là dao động trong tổng thể. Với tổng thể (N) khoảng 500 - 800 nghìn hộ sống ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sai số mong đợi (e) là 2,5%, dao động tổng thể (S) giả định nằm trong khoảng 12 - 15% và giá trị phân phối z với độ tin cậy 95% là 1,96, số mẫu ít nhất cần thu thập là 88 hộ. Chúng tôi đã tiến hành điều tra 90 nông hộ, trong đó số hộ khá - giàu, trung bình, nghèo - cận nghèo được phỏng vấn ngẫu nhiên, tương ứng với tỷ lệ các loại hộ này ở mỗi xã. Tuy nhiên, một số mẫu điều tra thiếu thông tin nên chỉ có 40 phiếu ở mỗi huyện được sử dụng cho phân tích (Bảng 1).

Bên cạnh số liệu sơ cấp, một số thông tin thứ cấp cũng được thu thập từ các sách, tạp chí đã xuất bản và một số website.

2.3. Phân tích số liệu

Thống kê mô tả là phương pháp phân tích chính được sử dụng trong nghiên cứu. Các số liệu sau khi thu thập được phân tổ theo các tiêu thức khác nhau; biểu diễn bằng các bảng với các số tuyệt đối, tương đối, số bình quân và độ lệch chuẩn.

Bên cạnh đó, để lượng hóa sự ảnh hưởng của các nguồn lực tới thu nhập của nông hộ, nghiên cứu sử dụng hàm hồi qui tuyến tính đa biến; trong đó các biến độc lập thể hiện nguồn lực chủ yếu của nông hộ gồm: trình độ học vấn của chủ hộ (X_1), số lao động trong độ tuổi (X_2), diện tích đất sản xuất (X_3), giá trị các phương tiện sản xuất (X_4) và vốn lưu động (X_5). Trình độ học vấn được sử dụng làm biến đại diện cho trình độ lao động vì nó liên quan trực tiếp đến khả năng tiếp thu, ứng dụng tiến bộ quản lý và khoa học kỹ thuật, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đầu vào và giảm chi phí thu nhận thông tin (Welch, 1970). Hơn nữa, các chỉ tiêu khác thể hiện trình độ lao động như kỹ năng tin học, trình độ lý luận chính trị và ngoại ngữ chưa được áp dụng phổ biến trong sản xuất nông nghiệp ở cấp nông hộ của vùng nghiên cứu. Bên cạnh đó, 3 biến giả được đưa vào mô hình là: địa bàn nghiên cứu D_1 (bằng 1 nếu là Hà Trung), giới tính D_2 (bằng 1 nếu chủ hộ là nam giới) và khả năng tiếp cận vốn vay D_3 (bằng 1 nếu hộ có vay vốn). Mô hình ước lượng có dạng tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 D_1 + \beta_2 D_2 + \beta_3 X_1 + \beta_4 X_2 + \beta_5 X_3 + \beta_6 X_4 + \beta_7 X_5 + \beta_8 D_3 + u_i$$

Trong đó: Y là thu nhập bình quân năm của nông hộ (nghìn đồng/hộ/năm); $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_8$ là các tham số ước lượng và u_i là sai số.

Bảng 1. Số lượng mẫu điều tra tại tỉnh Thanh Hóa (hộ)

Chỉ tiêu	Hà Trung	Thọ Xuân	Tổng cộng
Tổng số hộ	40	40	80
- Hộ khá và giàu	11	8	19
- Hộ trung bình	23	25	48
- Hộ nghèo và cận nghèo	6	7	13

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nguồn lực chủ yếu của các nông hộ điều tra

3.1.1. Lao động

Bình quân mỗi hộ có 3,2 lao động, nhưng có sự chênh lệch giữa các nhóm hộ (Bảng 2). Trong đó, nhóm hộ nghèo - cận nghèo có số lao động thấp nhất (2,61 lao động/hộ) và cao nhất là nhóm hộ khá - giàu (3,62 lao động/hộ). Kết hợp giữa hai chỉ tiêu nhân khẩu và lao động cho thấy, nhóm hộ nghèo - cận nghèo (CN) có tỷ lệ nhân khẩu/lao động cao nhất (1,6 khẩu/lao động). Việc nhóm hộ này có số nhân khẩu ăn theo lớn nhất sẽ gây bất lợi cho sự phát triển kinh tế của họ. Hộ khá giàu có nhân khẩu và lao động hợp lý, theo đó số nhân khẩu ăn theo trong hộ là thấp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí công ăn việc làm cũng như giảm bớt gánh nặng chi tiêu và tăng khả năng tích lũy. Đa số chủ hộ là nam giới (chiếm trên 80% tổng số chủ hộ) và có trình độ học vấn không cao (60% tổng số chủ hộ điều tra có trình độ học vấn ở mức tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở). Đặc biệt, trong 80 nông hộ điều tra chỉ có 1 chủ hộ có trình độ trung cấp. Điều này cho thấy nguồn lực

lao động của nông hộ còn hạn chế, nhất là trình độ của lao động.

3.1.2. Đất đai

Bảng 3 cho thấy diện tích đất sử dụng bình quân của các nhóm hộ điều tra là 7.758,2 m²/hộ, trong đó đất ở của hộ là 678,2 m² (chiếm 9,3%) và đất sản xuất (đất nông nghiệp theo nghĩa rộng) là 7.080 m². Bình quân một nhân khẩu có gần 1.700m² đất, trong đó đất sản xuất là 1552,6m². Qui mô diện tích này được đánh giá ở mức tương đương so với mức bình quân chung của cả nước ở năm 2009 là 1560,4m² (Xuân Thân, 2013).

Nhóm hộ khá - giàu có tổng diện tích đất bình quân hộ lớn nhất (11.143,6 m²/hộ), qui mô nhỏ nhất thuộc về nhóm hộ nghèo - cận nghèo (chỉ có 3.448 m²/hộ). Với đất sản xuất, cả 3 nhóm hộ đều có cơ cấu diện tích đất lúa tương đương nhau khoảng 2000 m²/hộ. Các nhóm hộ có sự khác nhau rõ rệt về đất trồng cây lâu năm, chẳng hạn hộ trung bình (TB) và hộ nghèo - cận nghèo có diện tích này tương ứng là 3.506m² và 363m². Các loại cây lâu năm thường được trồng là cây mía, dứa, keo, cam,... đã đóng góp tích cực vào thu nhập của hộ.

Bảng 2. Đặc điểm nhân khẩu học của nông hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ khá - giàu	Hộ trung bình	Hộ nghèo - Cận nghèo	BQC
1. Tuổi	tuổi	47,48 (6,46)	50,80 (7,21)	47,95 (8,47)	48,46 (7,96)
2. Số nhân khẩu	người	4,79 (1,08)	4,56 (1,18)	4,27 (1,06)	4,58 (1,56)
3. Số lao động	người	3,62 (1,08)	3,15 (1,13)	2,61 (0,89)	3,2 (1,13)
4. Số nhân khẩu/lao động		1,32	1,45	1,60	1,43
5. Trình độ học vấn của chủ hộ	%	100,00	100,00	100,00	100,00
- Chưa tốt nghiệp tiểu học	%	-	4,17	23,08	6,25
- Tốt nghiệp tiểu học	%	5,26	14,58	30,77	15,00
- Tốt nghiệp trung học cơ sở	%	31,58	52,08	46,15	46,25
- Tốt nghiệp trung học phổ thông	%	57,89	29,17	-	31,25
- Tốt nghiệp trung cấp	%	5,26	-	-	1,25

Chú thích: Số liệu trong dấu ngoặc đơn là độ lệch chuẩn. BQC nghĩa là tính bình quân chung cho cả 3 nhóm hộ.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Bảng 3. Tình hình đất của các nhóm hộ điều tra ($m^2/hộ$)

Chỉ tiêu	Hộ khá - giàu	Hộ trung bình	Hộ nghèo - cận nghèo	BQC
1. Diện tích đất bình quân	11.143,6 (15.276,7)	6.573,1 (6.911,9)	3.448,2 (3.164,1)	7.758,2 (10.734,3)
a. Đất ở	647,0 (285,7)	773,1 (468,9)	720,9 (833,5)	678,2 (478,3)
Trong đó: - Đất vườn	-	15,0	118,2	23,8
- Ao	51,7	113,5	78,2	86,3
b. Đất sản xuất	10.496,5 (15.331,7)	5.800,0 (6.974,9)	2.727,3 (3.173,0)	7.080,0 (10.786,9)
- Đất lúa	1.944,8	2.062,5	2.181,8	2.036,3
- Đất cây lâu năm	5.034,5	3.506,2	363,6	3.628,1
- Đất khác	3.517,2	231,3	181,8	1.415,6
2. Diện tích đất/khẩu	2.307,2	1.444,6	862,1	1.693,9
3. Diện tích đất/lao động	3.267,9	2.035,0	1.352,2	2.424,4

Chú thích: Số liệu trong dấu ngoặc đơn là độ lệch chuẩn; BQC nghĩa là tính bình quân chung cho cả 3 nhóm hộ.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

3.1.3. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn

Quy mô vốn là điều kiện tiên quyết để nông hộ mở rộng quy mô sản xuất, khai thác tốt các nguồn lực như lao động và đất đai. Thông thường, nông hộ có lượng vốn thấp. Tuy nhiên, những hộ biết tận dụng các nguồn vốn bên ngoài sẽ nâng cao được mức vốn và có nhiều cơ hội phát triển sản xuất hơn. Số liệu ở bảng 4 cho thấy bình quân nguồn vốn của các nhóm hộ điều tra là 41,6 triệu đồng/hộ; trong đó nhóm

hộ khá - giàu có nguồn vốn cao nhất với 53 triệu đồng/hộ và thấp nhất là nhóm hộ nghèo - cận nghèo (gần 30 triệu đồng/hộ).

Trong cơ cấu nguồn vốn, nhóm hộ khá - giàu có lượng vốn tự có và vốn vay cao nhất. Điều đó thể hiện tiềm lực kinh tế cũng như khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay (đặc biệt là nguồn chính thống) của hộ, đây có thể là nhân tố tích cực giúp nâng cao thu nhập. Nhóm hộ nghèo - cận nghèo có tỷ trọng vốn vay trên

Bảng 4. Tình hình nguồn vốn của các hộ điều tra (1.000 đ/hộ)

Chỉ tiêu	Hộ khá - giàu	Hộ trung bình	Hộ nghèo - Cận nghèo	BQC
<i>Tổng nguồn vốn</i>	<i>53.057</i>	<i>40.301</i>	<i>29.931</i>	<i>41.645</i>
I. Vốn tự có	31.377	23.676	18.881	24.726
1. Giá trị phương tiện SX	17.680	13.629	11.531	14.250
- Trâu bò cày kéo	6.583	6.819	5.111	6.485
- Súc vật sinh sản	4.433	2.075	1.600	2.558
- Chuồng trại	767	730	3.800	1.238
- Khác	5.897	4.005	1.020	3.969
2. Giá trị tài sản lưu động	13.697	10.047	7.350	10.476
II. Vốn vay	21.680	16.625	11.050	16.920
Trong đó, vay từ tổ chức tín dụng chính thống	16.478	9.264	4.311	10.172

Chú thích: BQC nghĩa là tính bình quân chung cho cả 3 nhóm hộ.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

tổng nguồn vốn thấp nhất (gần 37%), tuy nhiên do lượng vốn tự có thấp nên điều đó phần nào phản ánh khả năng tiếp cận đến nguồn vốn vay của họ. Kết quả điều tra cho thấy: phần lớn hộ nghèo không có đủ lượng vốn tích lũy cần thiết để tiến hành các hoạt động sản xuất, phải trông chờ vào các nguồn vốn vay từ bên ngoài. Hơn nữa, việc tiếp cận các nguồn vốn vay chính thống của nhóm hộ này cũng còn gặp nhiều khó khăn (chỉ khoảng 39% lượng vốn vay của họ từ các tổ chức tín dụng chính thống); họ thường phải vay từ các nguồn bên ngoài với lãi suất cao, dẫn đến hiệu quả sản xuất bị hạn chế. Đây cũng là vấn đề mà các tổ chức và chính quyền địa phương cần quan tâm tháo gỡ.

3.2. Thu nhập của nông hộ điều tra

Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế ở Việt Nam đã sử dụng chỉ tiêu thu nhập hỗn hợp để đánh giá thu nhập của nông hộ. Theo đó, thu nhập hỗn hợp của nông hộ là phần thu được sau khi lấy tổng thu trừ đi chi phí vật chất, trừ đi tiền công thuê ngoài và trừ chi phí khác (bao gồm thuế, khấu hao tài sản cố định,...) (Khôi, 2007). Vận dụng các quan điểm này, thu nhập của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu được xác định là phần thu còn lại của tổng thu sau khi trừ đi chi phí vật chất và dịch vụ, khấu hao và thuế để có được khoản thu đó. Kết quả điều tra cho thấy: Nguồn thu của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu khá phong phú, bao gồm các khoản thu từ (1)

tiền lương, tiền công; (2) hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi); (3) các hoạt động thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng); (4) các hoạt động lâm nghiệp; (5) hoạt động thương mại, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn (viết tắt là ngành nghề) và (6) các khoản thu khác (trợ cấp, cho, biếu, tặng,...). Tổng thu nhập bình quân của các nhóm hộ là 72.189 nghìn đồng/hộ/năm, trong đó thu nhập cao nhất là 116.028 nghìn đồng thuộc nhóm hộ khá - giàu. Nếu tính bình quân nhân khẩu, thu nhập theo tháng ở mức 1.313,5 nghìn đồng. So sánh với số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2012, mức thu nhập của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (1.579,4 nghìn đồng/khẩu/tháng).

Về cơ cấu thu nhập, bình quân chung cả ba nhóm hộ thì tiền lương, tiền công chiếm tỷ trọng cao nhất (39,3% tổng thu nhập), thu nhập từ nông nghiệp truyền thống (trồng trọt và chăn nuôi) chỉ chiếm 27,8%. Thực tế điều tra cho thấy, hiện nay nhiều nông hộ có thành viên trong gia đình đi làm công nhân ở các khu công nghiệp, còn một số lao động của hộ tranh thủ thời gian nông nhàn đi làm thuê để tăng thu nhập. Do vậy, tỷ trọng thu nhập từ tiền công tăng lên đáng kể so với trước kia. Kết quả này khá phù hợp với số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2012 (tỷ trọng thu nhập từ tiền lương, tiền công của cư dân nông thôn Việt Nam là 38,4%). Nhóm hộ khá - giàu có cơ cấu thu

Bảng 5. Tổng thu nhập của các nông hộ điều tra (1.000 đồng)

Nguồn thu nhập	BQC	Hộ nghèo - Cận nghèo	Hộ trung bình	Hộ khá - giàu	So sánh (lần)		
		1	2	3	2/1	3/2	3/1
<i>I. Tổng thu nhập BQ/hộ/năm</i>	72.189	26.196	62.037	116.028	2,4	1,9	4,4
1. Tiền lương, tiền công	28.382	7.280	24.539	50.214	3,4	2,0	6,9
2. Thu nhập từ nông nghiệp	20.075	11.916	18.398	24.698	1,5	1,3	2,1
3. Thu nhập từ lâm nghiệp	439	904	372	290	0,4	0,8	0,3
4. Thu nhập từ thủy sản	1.986	733	1.427	2.698	1,9	1,9	3,7
5. Thu nhập từ ngành nghề	14.891	2.895	11.345	27.847	3,9	2,5	9,6
6. Thu nhập khác	6.416	2.468	5.956	10.281	2,4	1,7	4,2
<i>II. Thu nhập BQ/khẩu/tháng</i>	1.313,5	511,2	1.133,7	2.018,6	2,2	1,8	3,9

Chú thích: BQC nghĩa là tính bình quân chung cho cả 3 nhóm hộ.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

nhập từ tiền lương/tiền công và hoạt động ngành nghề lớn nhất. Đó là do họ nhận thức được vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, giảm dần quy mô sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, tăng dần quy mô sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi và chuyển dịch lao động sang hoạt động phi nông nghiệp. Đồng thời nhóm hộ này có khả năng sản xuất tốt, các hoạt động sản xuất phát triển khá đều. Mức đầu tư cao cùng với trình độ, kinh nghiệm sản xuất tốt đã giúp họ sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn. Trong khi đó, nguồn thu nhập chính của nhóm hộ nghèo và cận nghèo là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (45,5% tổng thu nhập của hộ). Theo thực tế điều tra, hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhóm hộ này phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, lại thiếu vốn và thiếu kinh nghiệm sản xuất nên chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ, công nghiệp cũng ít phát triển. Chính sự phát triển không đồng đều giữa các hoạt động sản xuất nên thu nhập bình quân của họ thấp hơn rất nhiều so với hai nhóm hộ còn lại. Ngoài ra, một số lý do khác dẫn đến thu nhập của hộ nghèo thấp là do gặp rủi ro, hoàn cảnh éo le, có người đau yếu bệnh tật,...

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp ngày càng chiếm tỷ trọng thấp trong tổng thu nhập của hộ, phản ánh sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu thu nhập của nông hộ trong điều kiện hiện nay. Nguyên nhân chính ở đây được thể hiện do hoạt động sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả

hơn vì tổng thu từ sản xuất nông nghiệp không nhiều (khoảng một phần tư tổng thu), trong khi chi phí cho hoạt động này lại chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn một nửa tổng chi phí của hộ). Mặt khác, các nguồn thu nhập ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, trong đó phải kể đến các nguồn thu nhập đến từ tiền lương, tiền công và các hoạt động dịch vụ, công nghiệp, xây dựng ở nông thôn. Đây cũng là một xu hướng tích cực trong bối cảnh địa phương và cả nước đang thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

3.3. Ảnh hưởng của nguồn lực tới thu nhập của nông hộ

Nghiên cứu này ước lượng hàm hồi qui đa biến với biến phụ thuộc là thu nhập bình quân của nông hộ trong năm. Các biến độc lập đại diện cho nguồn lực lao động gồm số lượng lao động chính, trình độ học vấn của chủ hộ và biến giả thể hiện giới tính của chủ hộ. Do đất sản xuất chiếm trên 90% tổng diện tích của hộ nên được chọn làm biến đại diện cho nguồn lực về đất đai. Nguồn lực về vốn của hộ được biểu thị qua 3 biến: giá trị các phương tiện sản xuất, vốn lưu động và khả năng tiếp cận đến nguồn vốn vay của hộ.

3.3.1. Đặc điểm thống kê của các biến trong mô hình

Chi tiết đặc điểm các biến trong mô hình được thể hiện qua bảng 6. Nhìn chung, biến thu nhập và các nguồn lực của nông hộ có sự chênh lệch lớn.

Bảng 6. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Các biến số	ĐVT	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Thu nhập	ngàn đồng	72.189,2	39.462,1
Địa bàn	-	0,5	0,5
Giới tính	-	0,9	0,3
Trình độ học vấn	năm học	7,9	2,6
Số lao động	người	3,2	1,1
Diện tích đất sản xuất	m ²	7.080,0	10.786,9
Giá trị phương tiện SX	ngàn đồng	14.250,3	9.545,4
Vốn lưu động	ngàn đồng	10.476,4	16.590,0
Khả năng tiếp cận vốn vay	-	0,6	0,5

Nguồn: Kết quả điều tra và được tính bằng phần mềm SPSS

Độ lệch chuẩn của biến thu nhập lên tới 39,5 triệu đồng. Các nông hộ sở hữu một số phương tiện sản xuất chủ yếu như chuồng trại, máy cày, súc vật sinh sản và súc vật cày kéo với giá trị bình quân là 14,3 triệu đồng/hộ, độ phân tán của biến này cũng khá cao. Về trình độ học vấn, đa số chủ hộ trên địa bàn nghiên cứu mới học hết trung học cơ sở.

3.3.2. Kết quả ước lượng

Kết quả ước lượng mô hình theo phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) được thể hiện ở bảng 7. Các biến trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê ở mức 90 - 99%. Kiểm định F với $p < 0,001$ cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa thu nhập của nông hộ với các biến trong mô hình. Giá trị R^2 hiệu chỉnh bằng 0,52 ngụ ý rằng các biến độc lập đưa vào mô hình giải thích được 52% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Hệ số VIF và Durbin - Watson cho thấy mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan.

Hàm hồi qui ước lượng được thể hiện qua phương trình: $Y = - 43.887,36 + 15.228,05D_1 + 25.536,84D_2 + 2.707,95X_1 + 7.199,93X_2 + 1,33X_3 + 1,10X_4 + 0,44X_5 + 18.170,46D_3$

Hệ số ước lượng của 3 biến giả đều mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 95%, phù hợp với giả thuyết 3. Điều đó cho thấy có sự khác biệt về thu nhập giữa nông hộ ở huyện Hà Trung và Thọ Xuân (thu nhập của nông hộ ở Hà Trung cao hơn). Sở dĩ như vậy có thể do Hà Trung là huyện đồng bằng, các nông hộ ở đây có điều kiện sản xuất thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các nông hộ có cơ hội tiếp cận vốn vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh, và/hay chủ hộ là nam giới có thu nhập bình quân cao hơn. Điều này cho thấy tăng khả năng tiếp cận vốn cho các nông hộ, đặc biệt là nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng chính thống, là một trong những cách thức góp phần nâng cao thu nhập nông hộ. Ngoài ra, việc lựa chọn chủ hộ trong gia đình cũng rất quan trọng, cần được quan tâm. Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và môi trường sống ở nông thôn hiện nay, nam giới với tính quyết đoán, năng động và khỏe mạnh hơn nữ giới thường đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của nông hộ. Ở địa bàn nghiên cứu, đa số nông hộ điều tra có phụ nữ làm chủ hộ là do chồng của họ bị mất, bệnh tật hay không có chồng nên có thể là một trong những nguyên nhân cho thu nhập của họ thấp hơn so với nhóm hộ với chủ hộ là nam giới.

Bảng 7. Kết quả ước lượng mô hình bằng OLS

Các biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Giá trị p (p - value)	VIF
	Hệ số	Độ lệch chuẩn				
Hệ số	- 43.887,36	18.367,13		- 2,3895	0,0195	
Địa bàn (D_1)	15.228,05	6.756,39	0,1942	2,2539	0,0273	1,2287
Giới tính (D_2)	25.536,84	11.864,67	0,1840	2,1523	0,0348	1,2102
Trình độ học vấn (X_1)	2.707,95	1.436,03	0,1768	1,8857	0,0634	1,4554
Số lao động (X_2)	7.199,93	2.959,48	0,2061	2,4328	0,0175	1,1882
Diện tích đất SX (X_3)	1,33	0,36	0,3631	3,7001	0,0004	1,5941
GT phương tiện SX (X_4)	1,10	0,39	0,2649	2,8029	0,0065	1,4791
Vốn lưu động (X_5)	0,44	0,19	0,1833	2,2655	0,0265	1,0841
Tiếp cận vốn (D_3)	18.170,46	7.012,95	0,2257	2,5910	0,0116	1,2568
Hệ số R^2					0,57	
Hệ số R^2 hiệu chỉnh					0,52	
Giá trị Durbin - Watson					1,83	
Giá trị F (8, 71)					11,81 (p < 0,001)	

Nguồn: Số liệu điều tra và được tính toán bằng phần mềm SPSS

Những nguồn lực của nông hộ như diện tích đất sản xuất, giá trị phương tiện sản xuất, số lao động, trình độ học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập của hộ và có ý nghĩa thống kê ở mức 90 đến 99%. Điều đó phù hợp với giả thuyết 1 và ngụ ý rằng: nếu cải thiện các yếu tố này, thu nhập của nông hộ sẽ tăng thêm. Chẳng hạn, nếu các biến số khác không đổi, khi trình độ học vấn của chủ hộ tăng lên 1 đơn vị (1 năm học) thì thu nhập bình quân của nông hộ sẽ tăng 2.708 nghìn đồng. Các hệ số ước lượng khác được phân tích theo cách tương tự. Hệ số chuẩn hóa cho thấy mức độ tác động của các nguồn lực tới thu nhập là khác nhau (kiểm định giả thuyết 2), trong đó biến “diện tích đất sản xuất” có trị số lớn nhất (nghĩa là ảnh hưởng lớn nhất đến thu nhập của nông hộ); tiếp đến là biến “giá trị phương tiện sản xuất”. Kết quả ước lượng này giống với kết quả ước lượng của Anh và Thủy (2010) khi họ cho thấy các biến như trình độ học vấn, độ tuổi, lượng vốn vay và diện tích canh tác có tác động cùng chiều với thu nhập của nông hộ ở mức từ 90 - 99%. Tuy nhiên, nghiên cứu của họ không đề cập tới thứ tự ảnh hưởng của các yếu tố trong mô hình. Ngoài ra, Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011) cũng có kết luận tương tự rằng tổng diện tích đất, hộ vay vốn và tham gia kiểm dịch đàn vật nuôi có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập từ chăn nuôi của nông hộ.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn lực lao động, qui mô đất đai và nguồn vốn của các nông hộ điều tra còn ở mức tương đối thấp. Trung bình, một nông hộ có 3,2 lao động với trình độ tốt nghiệp phổ thông cơ sở, 7.758m² đất và 41,6 triệu đồng tiền vốn. Thu nhập của nông hộ ở mức bình quân khoảng 72 triệu đồng/hộ/năm; điều đáng chú ý là thu nhập từ tiền lương, tiền công đóng góp một tỷ lệ khá cao trong tổng thu nhập của nông hộ. Hệ số ước lượng của các biến nguồn lực như qui mô đất sản xuất, số lượng và trình độ học vấn của lao động, giá trị phương tiện sản xuất của nông hộ mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê; trong đó qui mô đất sản

xuất có ảnh hưởng lớn nhất tới thu nhập của nông hộ. Điều này ngụ ý nông hộ có thể cải thiện các nguồn lực này để tăng thu nhập. Do vậy, chính quyền địa phương nên tiếp tục khuyến khích nông hộ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển dịch đất đai và phát triển ngành nghề. Những nông hộ có thể mạnh về các ngành nghề phi nông nghiệp có thể chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thu nhập từ ngành này và chuyển dịch đất đai cho các nông hộ khác canh tác. Đồng thời, công tác giáo dục và đào tạo cũng nên được tăng cường hơn, không chỉ với các nông dân hiện tại mà cả thế hệ học sinh, thanh niên - những công dân tương lai đóng góp nhiều vào thu nhập của nông hộ ở địa phương. Ngoài ra, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay cũng có tác động tới thu nhập của nông hộ. Vì thế, thúc đẩy phát triển thị trường tín dụng nông thôn cũng là điều cần thiết để tăng cơ hội cho nông hộ tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý và thủ tục đơn giản, từ đó nâng cao thu nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Diên (2012). Kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên cả nước, truy cập ngày 20/8/2012 tại <http://baodientu.chinhphu.com>
- Hossain, M. and Sen, B. (1992). Rural poverty in Bangladesh: trends and determinants. *Asian Development Review*, 10: 1 - 35
- Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011). Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ*, 17: 87 - 96.
- Iarossi, G. 2009. Sức mạnh của thiết kế điều tra. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Khan, A.R. (1993). The determinants of household income in rural China, *In: The distribution of Income in China*, Griffin K. and R. Zhao (Eds.), St. Martin's Press. New York, p. 95 - 115
- Lipton, M. and M. Ravallion (1995). Poverty and Policy”, *In: Handbook of Development Economics*, Behrman J. R. and T. N. Sirivasan (Eds.), Volume IIIA, North - Holland, Amsterdam, p. 2551 - 657.
- Nguyễn Việt Anh và Trần Thị Thu Thủy (2010). Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân có vốn vay ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 62: 5 - 13.

- Tổng cục thống kê Việt Nam (2012). Kết quả số liệu tổng hợp về khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2012, truy cập ngày 15/11/2014 tại <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=417&idmid=4&ItemID=14843>.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam (2013). Dân số nông thôn trung bình phân theo địa phương, truy cập ngày 20/12/2014 tại <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=387&idmid=3&ItemID=15562>.
- Võ Thành Nhân (2011). Phân tích thu nhập của hộ gia đình ở Quảng Ngãi. Luận văn thạc sĩ Kinh tế. Đại học Đà Nẵng.
- Wei. L. (2001). The effect of human resource development on household income in selected poor areas of rural China. *Labour and Management in Development Journal*, 2(2): 1 - 23.
- Welch, F. (1970). Education in production, *Journal of Political Economy*, 78(1): 35 - 59.
- Xuân Thân (2013). Muốn phát triển nông nghiệp, phải tập trung đất đai, truy cập ngày 10/11/2013 tại <http://vov.vn/Kinh-te/Muon-phat-trien-nong-nghiep-phai-tap-trung-dat-dai/290425.vov>.